

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 376/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 10 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm dự toán năm 2022, năm 2023) đã được chuyển nguồn sang năm 2024 và điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2022; Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023; Nghị quyết số 309/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Xét Tờ trình số 1466/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm dự toán năm 2022, năm 2023) chuyển nguồn sang năm 2024 và điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra số 488/BC-BKTNS ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm dự toán năm 2022 và năm 2023) đã được chuyển nguồn

**sang năm 2024 và điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

1. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm dự toán năm 2022 và năm 2023) đã được chuyển nguồn sang năm 2024 tại các phụ lục kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022, Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp năm 2022 chưa giải ngân hết đã được chuyển nguồn sang năm 2024 (tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022) số tiền: 83.422.420 đồng (ngân sách trung ương).

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

b) Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp năm 2023 chưa giải ngân hết đã được chuyển nguồn sang năm 2024 (tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023) số tiền: 4.233.396.000 đồng, gồm: Ngân sách trung ương: 1.998.396.000 đồng; ngân sách cấp tỉnh: 2.235.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

2. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 đã được phân bổ tại Phụ lục 18.5, Phụ lục 18.6, Phụ lục 18.7 ban hành kèm theo Nghị quyết số 309/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024 số tiền là 2.207.000.000 đồng, gồm: Ngân sách trung ương: 2.045.000.000 đồng; ngân sách cấp tỉnh: 162.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII Kỳ họp thứ Mười chín thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký. / *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Ủy Ban dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên





ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP CHỨA GIẢI NGÂN HẾT NĂM 2022 BÀ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số: 376/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Tên dự án	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Số kinh phí đã giải ngân trong năm 2022 và năm 2023			Kinh phí chưa giải ngân hết năm 2022 đã được chuyển nguồn sang năm 2024			Điều chỉnh tăng (+) /giảm (-)				Kinh phí giao để thực hiện sau khi điều chỉnh	
					Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8	12=13+14	13	14	15=16+17	16=10+13	17=11+14
TỔNG CỘNG		1.415.000.000	1.415.000.000	-	1.217.577.580	1.217.577.580	-	197.422.420	197.422.420	-	83.422.420	83.422.420	-	197.422.420	197.422.420	-
TỔNG CỘNG ĐIỀU CHỈNH GIẢM											-83.422.420	-83.422.420				
1	Nội dung thành phần số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	1.415.000.000	1.415.000.000	-	1.217.577.580	1.217.577.580	-	197.422.420	197.422.420	-	-83.422.420	-83.422.420		114.000.000	114.000.000	-
1.1	Nội dung 01: Ra soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hoá, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	1.415.000.000	1.415.000.000		1.217.577.580	1.217.577.580		197.422.420	197.422.420		-83.422.420	-83.422.420		114.000.000	114.000.000	
	Huyện Mang Yang	1.415.000.000	1.415.000.000		1.217.577.580	1.217.577.580		197.422.420	197.422.420		-83.422.420	-83.422.420		114.000.000	114.000.000	
2	Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn							-			83.422.420	83.422.420		83.422.420	83.422.420	
2.1	Nội dung 01: Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở							-			83.422.420	83.422.420		83.422.420	83.422.420	
	Huyện Mang Yang							-			83.422.420	83.422.420		83.422.420	83.422.420	

[Handwritten signature]



BIÊN BẢN ĐU TOÀN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯA GIẢI NGÂN HẾT NĂM 2023 ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024 THU C HIỆN CHU TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số: 376/QĐ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Domen: Đồng



STT	Tên dự án	Số kinh phí đã giải ngân trong năm 2023				Số kinh phí đã giải ngân trong năm 2023 đã được chuyển nguồn sang năm 2024				Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)				Kinh phí giao để thực hiện sau khi điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh				
1	2	3-4-5	4	5	6-7+8	7	8	9-10+11	10-4-7	11-5-8	12-13+14	13	14	15-16+17	16-10+13	17-11+14	
	TỔNG CỘNG	12.440.000.000	5.031.000.000	7.409.000.000	1.416.204.000	1.393.604.000	22.600.000	11.023.796.000	3.637.396.000	7.386.400.000	4.233.396.000	-	-	11.023.796.000	3.637.396.000	7.386.400.000	
	TỔNG CỘNG ĐIỀU CHỈNH TĂNG																
	TỔNG CỘNG ĐIỀU CHỈNH GIẢM										-4.233.396.000	-1.998.396.000	-2.235.000.000				
1	Nội dung thành phần số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-	-	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000	2.235.000.000	-	2.235.000.000	5.035.000.000	-	5.035.000.000	
1.1	Nội dung 02: Kinh phí hỗ trợ quy hoạch vùng huyện	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-	-	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000	2.235.000.000	-	2.235.000.000	5.035.000.000	-	5.035.000.000	
	Huyện Ia Grai	1.000.000.000		1.000.000.000				1.000.000.000		1.000.000.000	745.000.000		745.000.000	1.745.000.000		1.745.000.000	
	Huyện Chư Sê	1.000.000.000		1.000.000.000				1.000.000.000		1.000.000.000	745.000.000		745.000.000	1.745.000.000		1.745.000.000	
	Huyện Chư Pưh	800.000.000		800.000.000				800.000.000		800.000.000	745.000.000		745.000.000	1.545.000.000		1.545.000.000	
2	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nội vùng - đô thị và kết nối các vùng miền	585.000.000	585.000.000	-	573.604.000	573.604.000	-	11.396.000	11.396.000	-	527.604.000	527.604.000	-	539.000.000	539.000.000	-	
2.1	Nội dung 09: Chi mua sắm, sửa chữa thiết bị cho các dân tộc miền núi	585.000.000	585.000.000	-	573.604.000	573.604.000	-	11.396.000	11.396.000	-	527.604.000	527.604.000	-	539.000.000	539.000.000	-	
	Huyện Đak Đoa							11.396.000	11.396.000		527.604.000	527.604.000		539.000.000	539.000.000		
	Huyện Mang Yang	585.000.000	585.000.000		573.604.000	573.604.000		11.396.000	11.396.000		527.604.000	527.604.000		539.000.000	539.000.000		
3	Nội dung thành phần số 3: Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	8.005.000.000	3.396.000.000	4.609.000.000	22.600.000	-	22.600.000	7.982.400.000	3.396.000.000	4.586.400.000	-4.222.000.000	-1.987.000.000	-2.235.000.000	3.760.400.000	1.409.000.000	2.351.400.000	
3.1	Nội dung 02: Chi hỗ trợ các dự án liên kết sản xuất	8.005.000.000	3.396.000.000	4.609.000.000	22.600.000	-	22.600.000	7.982.400.000	3.396.000.000	4.586.400.000	-4.222.000.000	-1.987.000.000	-2.235.000.000	3.760.400.000	1.409.000.000	2.351.400.000	
	Huyện Đak Đoa	1.609.000.000	1.609.000.000	-	-	-	-	1.609.000.000	1.609.000.000	4.586.400.000	-2.235.000.000	-1.609.000.000	-2.235.000.000	2.351.400.000	-	2.351.400.000	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.609.000.000	-	4.609.000.000	22.600.000	-	22.600.000	4.586.400.000	-	-	-378.000.000	-378.000.000	-	1.409.000.000	1.409.000.000	-	
	Huyện Mang Yang	1.787.000.000	1.787.000.000		-			1.787.000.000	1.787.000.000								
4	Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	1.050.000.000	1.050.000.000	-	820.000.000	820.000.000	-	230.000.000	230.000.000	-	1.459.396.000	1.459.396.000	-	1.689.396.000	1.689.396.000	-	
4.1	Nội dung 01: Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	1.050.000.000	1.050.000.000	-	820.000.000	820.000.000	-	230.000.000	230.000.000	-	1.459.396.000	1.459.396.000	-	1.689.396.000	1.689.396.000	-	
	Huyện Mang Yang	290.000.000	290.000.000		-			230.000.000	230.000.000		389.396.000	389.396.000		389.396.000	389.396.000		
	Huyện Đak Đoa	760.000.000	760.000.000		-			230.000.000	230.000.000		1.070.000.000	1.070.000.000		1.300.000.000	1.300.000.000		

(Chữ ký)



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 376/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Vốn phân bổ năm 2024 theo Nghị quyết số 309/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai			Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)				Kinh phí giao để thực hiện sau khi điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh		
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4+7	11=5+8		
	TỔNG CỘNG	4.802.000.000	4.640.000.000	162.000.000				4.802.000.000	4.640.000.000	162.000.000		
	TỔNG CỘNG ĐIỀU CHỈNH TĂNG				2.207.000.000	2.045.000.000	162.000.000					
	TỔNG CỘNG ĐIỀU CHỈNH GIẢM				-2.207.000.000	-2.045.000.000	-162.000.000					
I	Thực hiện các nội dung của Chương trình	2.595.000.000	2.595.000.000		2.207.000.000	2.045.000.000	162.000.000	4.802.000.000	4.640.000.000	162.000.000		
I	Phân bổ thực hiện các nội dung thành phần				189.000.000	27.000.000	162.000.000	189.000.000	27.000.000	162.000.000		
1.1	Nội dung thành phần số 1. Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch				189.000.000	27.000.000	162.000.000	189.000.000	27.000.000	162.000.000		
	Nội dung 02: Kinh phí hỗ trợ quy hoạch vùng huyện				189.000.000	27.000.000	162.000.000	189.000.000	27.000.000	162.000.000		
	Huyện Chư Pưh				189.000.000	27.000.000	162.000.000	189.000.000	27.000.000	162.000.000		
2	Chưa phân bổ chi tiết thực hiện các dự án liên kết sản xuất	2.595.000.000	2.595.000.000		2.018.000.000	2.018.000.000		4.613.000.000	4.613.000.000			
II	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	2.207.000.000	2.045.000.000	162.000.000	-2.207.000.000	-2.045.000.000	-162.000.000					
1	Chưa phân bổ chi tiết thực hiện mô hình điểm tại huyện Ia Grai	2.207.000.000	2.045.000.000	162.000.000	-2.207.000.000	-2.045.000.000	-162.000.000					

[Signature]

